

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST
Ngày: 02 - 10 - 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng phân phối
sản phẩm và mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Đức Bản

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thành Huế, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST- KDTM ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty CP T; Địa chỉ: Số, đường L, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật ông N – TGD; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Ng, Phó Tổng Giám đốc; Địa chỉ: Số, đường L, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản ủy quyền số: 48/2020/UQ-QAC ngày 25/02/2020. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đỗ Ngọc T, Luật sư Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư Quảng Bình; Địa chỉ: Phường N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V; Địa chỉ: Thôn, xã E, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Xuân T, Giám đốc. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2016, Công ty CP T và Công ty TNHH v có ký hợp đồng phân phối sản phẩm NPK Sao Việt, số 24/QAC. Trong quá trình thực hiện hai bên tiếp tục ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 713/HĐMB ngày 20/12/2017, qua đó Công ty CP đã chuyển giao phân bón VPK Sao Việt cho Công ty TNHH tiêu thụ. Hiện nay căn cứ theo Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 13/6/2018 xác nhận Công ty TNHH v còn nợ tổng cộng 222.812.500đ và cam kết trả nợ chia thành ba đợt: Thanh toán 74.062.000đ chậm nhất đến ngày 31/7/2018; Thanh toán 61.730.000đ chậm nhất đến ngày 31/9/2018; Thanh toán 87.000.000đ chậm nhất đến ngày 30/10/2018. Tuy nhiên, Công ty TNHH vẫn không trả nợ, sau đó hai bên đã có Bản đối chiếu công nợ ngày 27/12/2019 với số nợ tính đến ngày 18/12/2019 là 222.812.500đ số tiền này Công ty CP đã đòi nhiều lần nhưng Công ty TNHH không chịu trả, do đó đề nghị Công ty TNHH phải trả cho Công ty CP số tiền gốc là 222.812.500đ, và số tiền lãi 96.923.438 đồng.

* Đối với Công ty TNHH v, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Xuân T: Qua quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông nhiều lần theo địa chỉ của ông tham gia giao kết hợp đồng có địa chỉ tại: Thôn, xã E, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk, nhưng ông vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có ý kiến.

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 385, 386, 398, 401, 430, 436, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP T Bình buộc Công ty TNHH v phải trả cho Công ty CP T tính đến ngày 02/10/2020 với số tiền gốc 222.812.500 đồng. Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết Công ty CP T yêu cầu Công ty TNHH v trả số tiền lãi 96.923.438 đồng. Tại phiên tòa Công ty CP T đã rút yêu cầu này đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết phần yêu cầu tiền lãi. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH v phải chịu theo quy định. Trả lại cho Công ty CP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng phân phối sản phẩm và hợp đồng mua bán hàng hóa” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phía bị đơn có địa chỉ tại Thôn, xã E, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk nhưng hai bên đã thỏa thuận bằng văn bản nếu xảy ra tranh chấp thì nơi có trụ sở bên bán là bên nguyên đơn giải quyết. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau đó, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện Công ty CP có mặt, ông T người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 73/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xét xử vào ngày 08/9/2020, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-KDTM ngày 08/9/2020 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 02/10/2020 và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 02/10/2020, bị đơn Công ty TNHH v do ông T đại diện theo pháp luật vắng mặt lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.2] Xét yêu cầu Công ty CP T yêu cầu Công ty TNHH v trả số tiền 222.812.500đ. Sau khi ký kết các Hợp đồng, các bên đã thực hiện đúng các nội dung đã ký kết. Cụ thể, phía Công ty CP đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty TNHH v. Qua một quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã thể hiện đối chiếu công nợ tại Biên bản đối chiếu và cam kết trả nợ ngày 13/6/2018 xác nhận Công ty TNHH v còn nợ tổng cộng 222.812.500đ và cam kết trả nợ là chia làm ba đợt: Thanh toán 74.062.000đ chậm nhất đến ngày 31/7/2018; Thanh toán 61.730.000đ chậm nhất đến ngày 31/9/2018; Thanh toán 87.000.000đ chậm nhất đến ngày 30/10/2018. Tuy nhiên Công ty TNHH v vẫn không trả nợ và hai bên đối chiếu công nợ lại vào ngày 27/12/2019 với số nợ tính đến ngày 18/12/2019 là 222.812.500đ. Như vậy, căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết giữa Công ty CP và Công ty TNHH hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 385, 388, 401, 430, 432, 433, 435, 440 Bộ luật dân sự. Do đó, phía Công ty CP khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH phải trả số tiền 222.812.500đ là đúng quy định các điều khoản mà hai bên đã ký kết tại hợp đồng

[2.4] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết Công ty CP Tổng Công ty nông nghiệp Quảng Bình yêu cầu Công ty TNHH phải trả tiền lãi 96.923.438 đồng. Tại phiên tòa Công ty CP đã rút yêu cầu này nên Tòa án không xem xét giải quyết và đình giải quyết phần tiền lãi.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty CP được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền $222.812.500đ \times 5\% = 11.140.000đ$ để sung quỹ Nhà nước.

Công ty CP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, 388, 401, 430, 432, 433, 435, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP T buộc Công ty TNHH v phải trả cho Công ty CP T tính đến ngày 02/10/2020 với số tiền gốc 222.812.500 đồng.

2. Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết Công ty CP T yêu cầu Công ty TNHH v phải trả số tiền lãi 96.923.438 đồng. Tại phiên tòa Công ty CP T đã rút yêu cầu này, Tòa án không xem xét giải quyết. Đình giải quyết phần tiền lãi.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH v phải chịu án phí kinh doanh thương mại 11.140.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Công ty CP T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Công ty CP T số tiền tạm ứng án phí 7.993.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006306 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Văn Lộc